

Số: /CV-MN

Bảo Hà, ngày tháng năm

V/v điều chỉnh nội dung kế hoạch nuôi dưỡng,
chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026

Kính gửi: Hội đồng trường

Căn cứ kế hoạch số 882/SGDDĐT-GDMN ngày 18/9/2025 của Sở Giáo Dục Đào Tạo Lào Cai về việc thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN;

Căn cứ kế hoạch số 279/KH-MN ngày 19/9/2025 về kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 của trường MN Cam Cọn.

Căn cứ kết quả buổi hội thảo chuyên môn cụm số 12 ngày 23/10/2025;

Căn cứ điều kiện vùng miền và thực tế địa phương, điều kiện thực tế của đơn vị; đặc điểm phát triển của trẻ 4-5 tuổi, 5-6 tuổi;

Trường Mầm non Cam Cọn điều chỉnh nội dung kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, năm học 2025- 2026 như sau:

1. Giáo dục trẻ 4-5 tuổi

| Lĩnh vực | Mục tiêu | Nội dung |
|-------------------------------|--|---|
| 1. Phát triển thể chất | <p>- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p>Trẻ trai: + Cân nặng đạt từ 14,1 kg - 24,9 kg. + Chiều cao đạt từ 100,7 cm - 119,2 cm.</p> <p>Trẻ gái: + Cân nặng đạt từ 13,7 kg - 24,2 kg + Chiều cao đạt từ 99,9 cm - 118,9 cm.</p> <p>I. Phát triển vận động</p> <p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- MT1: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p> | <p>- Khám sức khỏe định kì. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi.</p> <p>- Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.</p> <p>- Phòng tránh các bệnh thường gặp.</p> <p>- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.</p> <p>I. Phát triển vận động</p> <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra</p> <p>Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).</p> <p>Lưng, bụng, lườn:</p> |

| | | |
|--|---|---|
| | <p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</p> <p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 2: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - MT 3: Đi bằng gót chân, đi khuyu gối - MT 4: Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. <p>2.2. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 5: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc). <p>2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: - MT 6: Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - MT 7: Tung bóng lên cao và bắt. - MT 8: Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - MT 9: Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - MT 10: Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. <p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> | <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. <p>2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối - Đi lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Tung, ném, bắt: + Tung bắt bóng với người đối diện. + Tung bóng lên cao và bắt. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. + Đập và bắt bóng tại chỗ. |
|--|---|---|

| | | |
|--|---|---|
| | <p>- MT 11: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.</p> <p>- MT 12: Chạy chậm 60 - 80m.</p> <p>- MT 13: Ném trúng đích ngang (xa 2 m).</p> <p>- MT 14: Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>- MT 15: Bò trong đường đích dắc (4 - 5 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.</p> <p>- MT 16: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.</p> <p>- MT 17: Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</p> <p>- MT 18: Trườn theo hướng thẳng.</p> <p>- MT 19: Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>- MT 30: Trèo lên, xuống 5 gióng thang.</p> <p>- Bật - nhảy:</p> <p>- MT 31: Bật liên tục về phía trước.</p> <p>- MT 32: Bật xa 35 - 40cm.</p> <p>- MT 33: Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).</p> <p>- MT 34: Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</p> <p>- MT 35: Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</p> <p>- MT 36: Nhảy lò cò 3m.</p> <p>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</p> <p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <p>- MT 37: Cuộn - xoay tròn cổ tay.</p> <p>- MT 38: Gập, mở, các ngón</p> | <p>+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây.</p> <p>+ Chạy chậm 60 - 80m.</p> <p>+ Ném trúng đích ngang bằng 1 tay.</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò đích dắc qua 5 điểm.</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.</p> <p>+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.</p> <p>+ Trườn theo hướng thẳng.</p> <p>+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>+ Trèo lên, xuống 5 gióng thang.</p> <p>- Bật - nhảy:</p> <p>+ Bật liên tục về phía trước.</p> <p>+ Bật xa 35 - 40cm.</p> <p>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).</p> <p>+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</p> <p>+ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</p> <p>+ Nhảy lò cò 3m.</p> <p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</p> <p>- Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gán, nôi...</p> <p>- Gập giấy.</p> |
|--|---|---|

| | | |
|--|---|---|
| | <p>tay.</p> <p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số HĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 39: Vẽ hình người, nhà, cây. - MT 40: Cắt thành thạo theo đường thẳng. - MT 41: Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - MT 42: Biết tết sợi đôi. - MT 43: Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày <p>II. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 44: Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt cá... có nhiều chất đạm Rau, quả chín có nhiều VTM. - MT 45: Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... MT 46: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. <p>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <p>2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 47: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - MT 48: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn - MT 49: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi | <ul style="list-style-type: none"> - Tô, vẽ hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Lắp ghép hình. - Tết sợi đôi - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. <p>II. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p> <p>1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). <p>2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. |
|--|---|---|

| | | |
|--|--|---|
| | <p>vãi, đồ thức ăn.</p> <p>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</p> <p>3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 50: Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - MT 51: Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - MT 52: Không uống nước lã. <p>3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 53: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - MT 54: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - MT 55: Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - MT 56: Bỏ rác đúng nơi quy định. <p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 57: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. - MT 58: Nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. <p>4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh</p> | <p>3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn. - Ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. |
|--|--|---|

| | | |
|---------------------------------------|---|--|
| | <p>khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 59: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - MT 60: Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - MT 61: Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. <p>4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 62: Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - MT 63: Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. |
| <p>2. Phát triển nhận thức</p> | <p>a. Khám phá khoa học</p> <p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 64: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... - MT 65: Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | <p>a. Khám phá khoa học</p> <p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây. - Cách chăm sóc, bảo vệ con vật, cây. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. |

| | | |
|--|---|---|
| | <p>- MT 66: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu /đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p> <p>- MT 67: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p> <p>- MT 68: Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p> <p>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p> <p>- MT 69: Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn”</p> <p>- MT 70: Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p> <p>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p> <p>- MT 71: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p> <p>- MT 72: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và</p> | <p>- Nói được, hiểu biết đối tượng cây cối, hoa, quả, con vật... qua hoạt động STEAM.</p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.</p> <p>- Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả con vật theo 1-2 dấu hiệu.</p> <p>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p> <p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p> <p>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <p>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.</p> <p>- Nhận biết sự khác nhau giữa ngày và đêm.</p> <p>- Một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p> |
|--|---|---|

| | | |
|--|---|---|
| | <p>tạo hình...</p> <p>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>1. Nhận biết số đếm, số lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 73: Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... - MT 74: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - MT 75: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - MT 76: Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - MT 77: Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn - MT 78: Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. - MT 79: Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. <p>2. Sắp xếp theo qui tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 80: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - MT 81: Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. <p>3. So sánh hai đối tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 82: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. <p>4. Nhận biết hình dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 83: Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...) - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới | <p>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đếm, nói số lượng, chữ số các vật ở xung quanh. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). <p>2. So sánh, sắp xếp theo qui tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. <p>3. Đo lường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. <p>4. Hình dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích |
|--|---|---|

| | |
|--|---|
| <p>theo ý thích và theo yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 84: Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. <p>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 85: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. - MT 86: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. <p><i>c. Khám phá xã hội</i></p> <p>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 87: Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - MT 88: Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - MT 89: Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. - MT 90: Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - MT 91: Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - MT 92: Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. <p>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 93: Kể tên, công việc, | <p>và theo yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. <p>5. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác . - (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. <p><i>c. Khám phá xã hội</i></p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các |
|--|---|

| | | |
|--------------------------------------|---|---|
| | <p>công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.</p> <p>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 94: Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. - MT 95: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương | <p>hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. |
| <p>3. Phát triển ngôn ngữ</p> | <p>1. Nghe hiểu lời nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 96: Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. - MT 97: Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... - MT 98: Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. <p>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 99: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. - MT 100: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... - MT 101: Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. - MT 102: Kể lại sự việc theo trình tự. - MT 103: Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... - MT 104: Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. - MT 105: Bắt chước giọng | <p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Kể lại truyện đã được nghe. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Đóng kịch. |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 106: Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. - MT 107: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. <p>3. Làm quen với việc đọc - viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 108: Chọn sách để xem. - MT 109: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. - MT 110: Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). <ul style="list-style-type: none"> - MT 111: Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. - MT 112: Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. <p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - LQ với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ |
| <p>4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội</p> | <p>1. Thể hiện ý thức về bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 113: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. - MT 114: Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. <p>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 115: Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - MT 116: Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | <p>1. Thể hiện ý thức về bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức về bản thân - Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh <p>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi) - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, |

| | | |
|--|---|---|
| | <p>3. Nhận biết, thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, HTXQ</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 117: Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - MT 118: Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. - MT 119: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - MT 120: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - MT 121: Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <p>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 122: Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. - MT 123: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - MT 124: Chú ý nghe khi cô, bạn nói. - MT 125: Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. - MT 126: Biết trao đổi, thoả | <p>giọng nói, tranh ảnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <p>3. Nhận biết, thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, HTXQ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. <p>4. Hành vi và quy tắc ứng xử XH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác - Quan tâm, giúp đỡ bạn |
|--|---|---|

| | | |
|-------------------------------------|--|---|
| | <p>thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).</p> <p>5. Quan tâm đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 127: Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - MT 128: Bỏ rác đúng nơi quy định. - MT 129: Không bẻ cành, bứt hoa. - MT 130: Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. <p>5. Quan tâm đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. <p>- Tiết kiệm điện, nước.</p> |
| <p>5. Phát triển thẩm mỹ</p> | <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 131: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. <p>- MT 132: Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 133: Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình; <i>các sản phẩm dự án STEAM</i> <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 134: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể | <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật, <i>các sản phẩm STEAM</i> <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) <p>- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 135: Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). - MT 136: Thực hiện các hoạt động âm nhạc theo hướng tiếp cận đa văn hóa phù hợp với trẻ. - MT 137: Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - MT 138: Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - MT 139: Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. - MT 140: Làm lốm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - MT 141: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - MT 142: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 143: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - MT 144: Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - MT 145: Nói lên ý tưởng | <ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, <i>so với thiết kế ban đầu trong các dự án STEAM.</i> <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của |
|--|---|--|

| | | |
|--|---|---|
| | <p>và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</p> <p>- MT 146: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình, sản phẩm STEAM.</p> <p>- MT 147: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.</p> <p>- MT 148: Sáng tạo trong các hoạt động STEAM.</p> | <p>mình.</p> <p>- Đặt tên cho sản phẩm của mình.</p> <p>- Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.</p> <p>- Sử dụng sự sáng tạo trong thiết kế, chế tạo sản phẩm STEAM.</p> |
|--|---|---|

2. Giáo dục trẻ 5-6 tuổi

| Lĩnh vực | Mục tiêu | Nội dung |
|-------------------------------|--|--|
| 1. Phát triển thể chất | I. Phát triển vận động | |
| | <p>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- MT1: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p> | <p>- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.</p> <p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.</p> <p>- Tay:</p> <p>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).</p> <p>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</p> <p>- Lưng, bụng, lườn:</p> <p>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>- Chân:</p> <p>+ Đưa ra phía trước, đưa sang</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</p> <p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 2: Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - MT 3: Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - MT 4: Bật liên tục vào vòng. - MT 5: Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - MT6: Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. - MT7: Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - MT8: Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây. <p>2.2. Kiểm soát được vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT9: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - MT 10: Chạy liên tục 120m không hạn chế thời gian. <p>2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 11: Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - MT 12 Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - MT 13: Tung bóng lên cao và bắt. - MT14: Ném và bắt bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) | <p>ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</p> <p>2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động</p> <p>2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Bật liên tục vào vòng. - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. (0,3m -0,4m) -Đi trên ghế thể dục có mang vật đội trên đầu. - Giữ thăng bằng cơ thể khi đứng bằng 1 chân. <p>2.2. Kiểm soát được vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. - Chạy chậm khoảng 100-120m. <p>2.3 Phối hợp tay- mắt trong vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay,2 tay. - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Tung bóng lên cao và bắt. - Ném và bắt bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) |
|--|---|--|

| | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - MT15: Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - MT 16: Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - MT17: Đi đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. <p>2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 18: Bật qua vật cản 15 - 20cm. - MT 19: Nhảy lò cò 5m. - MT 20: Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. - MT 21: Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - MT 22: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - MT 23: Bật xa tối thiểu 50cm. - MT 24: Nhảy xuống từ độ cao 40cm. - MT25: Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - MT26: Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. - MT 27: Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. <p>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt</p> <p>3.1. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 28: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - MT29: Gập, mở lần lượt từng ngón tay. <p>3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT30: Vẽ hình và sao chép | <ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, 2 tay. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. <p>- Bật qua vật cản 15 - 20cm.</p> <p>- Nhảy lò cò 5m.</p> <p>- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m.</p> <p>- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.</p> <p>- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</p> <p>- Bật xa 40 - 50cm.</p> <p>- Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).</p> <p>+ Chạy 18m trong khoảng 5-7 giây.</p> <p>+ Bò đích dắc qua 7 điểm.</p> <p>+ Trèo lên xuống 7 gióng thang.</p> <p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. <p>- Tô, đồ theo nét.</p> |
|--|--|

| | |
|---|---|
| <p>các chữ cái, chữ số.</p> <p>-MT31: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản</p> <p>- MT32: Xếp chồng 12 15 khối theo mẫu.</p> <p>- MT 33: Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.</p> <p>- MT34: Tự mặc, cởi được áo, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).</p> <p>II. Giáo dục dinh dưỡng</p> <p>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <p>- MT35: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <p>+Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...</p> <p>+Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...</p> <p>- MT 36: Nói được tên một số ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p> <p>- MT 37: Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p> <p>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <p>- MT 38: Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày</p> <p>- MT 39: Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</p> <p>- MT 40: Đi vệ sinh đúng nơi</p> | <p>- Xé, cắt đường vòng cung.</p> <p>- Lắp ráp.</p> <p>- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.</p> <p>II. Giáo dục dinh dưỡng</p> <p>1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</p> <p>- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</p> <p>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</p> <p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).</p> <p>2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</p> <p>- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.</p> <p>- Biết thay quần áo khi bẩn, ướt và để vào nơi quy định.</p> <p>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định,</p> |
|---|---|

| | |
|---|--|
| <p>qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 41: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. <p>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</p> <p>3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT42: Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - MT43: Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - MT44: Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - MT45: Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. <p>3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 46: Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - MT 47: Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. <ul style="list-style-type: none"> - MT 48: Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - MT 49: Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. - MT 50: Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - MT 51: Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. <p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p> <p>4.1. MT 52: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng ... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần;</p> | <p>sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo. <p>3.Giữ gìn sức khỏe và an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. <ul style="list-style-type: none"> - Biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. <p>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. |
|---|--|

| | |
|---|--|
| <p>không nghịch các vật sắc nhọn.</p> <p>4.2. MT53: Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p> <p>4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <p>- MT54: Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....</p> <p>-MT55: Biết không tự ý uống thuốc.</p> <p>- MT56: Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá là có hại.</p> <p>4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <p>- MT57: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn, người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</p> <p>-Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</p> <p>+ MT58: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ MT59: Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>- MT60: Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p> <p>4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <p>- MT61: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</p> | <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p> <p>- Không Biết cười đùa trong khi ăn, uống.</p> <p>- Không tự ý uống thuốc.</p> <p>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá là có hại.</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp</p> <p>- Không đi theo không nhận quà của người lạ.</p> <p>- Không Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</p> <p>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p> <p>- Không tự ý đi chơi.</p> |
|---|--|

| | | |
|--|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - MT62: Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - MT63: Không leo trèo cây, ban công tường rào... | <ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công tường rào... |
| <p>2. Giáo dục phát triển nhận thức</p> | <p>a. Khám phá khoa học</p> <p>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT64: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - MT65: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận - MT66: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. <p>2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT67: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, | <p>a. Khám phá khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng: - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự |

| | | |
|--|--|--|
| | <p>giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p> <p>- MT 68: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p> <p>3. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p> <p>- MT 69: Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như: “Tại sao có mưa”; “Làm thế nào để hạt nảy mầm”?...</p> <p>- MT 70: Biết sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</p> <p>- MT71: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”; “Tại sao nguồn nước lại bị ô nhiễm”...</p> <p>- MT72: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.</p> <p>- MT 73: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p> <p>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>1. Nhận biết số đếm, số lượng</p> <p>- MT74: Quan tâm đến các con số như thích nói về số</p> | <p>đa dạng của chúng.</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.</p> <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</p> <p>- Quá trình phát triển của cây, con vật.</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.</p> <p>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p> <p>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p> <p>1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm</p> <p>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</p> |
|--|--|--|

| | |
|--|---|
| <p>lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT75: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - MT76: So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - MT77: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - MT78: Tách 10 đối tượng thành hai nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. - MT79: Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. - MT80: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - MT 81: Biết ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. <p>3. Sắp xếp theo qui tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT82: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - MT83: Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - MT84: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. <p>4. So sánh hai đối tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT85: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. <p>5. Nhận biết hình dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT86: Gọi tên và chỉ ra các | <ul style="list-style-type: none"> - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). <p>2. Xếp tương ứng</p> <p>Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</p> <p>3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp <p>4. Đo lường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. <p>5. Hình dạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, |
|--|---|

| | |
|---|--|
| <p>điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 87: Biết chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - MT 88: Biết tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. <p>6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT89: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. - MT90: Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. - MT 91: Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. <p>c. Khám phá xã hội</p> <p>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT92: Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - MT93: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - MT94: Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện. - MT95: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được | <p>khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. <p>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - Gọi tên các thứ trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. <p>c. Khám phá xã hội</p> <p>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. |
|---|--|

| | | |
|---|---|---|
| | <p>hỏi, trò chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT96: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - MT97: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. <p>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT98: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”. <p>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT99: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”. - MT100: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. <p>2. Một số nghề trong xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. <p>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. |
| <p>3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ</p> | <p>1. Nghe hiểu lời nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT101: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. - MT102: Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) - MT103: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối | <p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. |

| | |
|--|--|
| <p>thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 104: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, bài hát phù hợp với độ tuổi. <p>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT105: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - MT106: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hành động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. - MT107: Dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... - MT108: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật. - MT109: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao... - MT110: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. - MT111: Đóng được vai của nhân vật trong truyện. - MT112: Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”... Phù hợp với tính huống. - MT113: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. <p>3. Làm quen với việc đọc - viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT114: Chọn sách để “đọc” và xem. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. <p>3. Làm quen với việc đọc - viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”... Phù hợp với tính huống. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. <p>3. Làm quen với đọc, viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt phần mở đầu, kết |
|--|--|

| | | |
|--|---|--|
| | <p>MT115: Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT116: Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - MT117: Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông. - MT118: Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái TV. - MT119: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. | <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn, bảo vệ sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng các chữ cái. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. |
| <p>4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội</p> | <p>1. Thể hiện ý thức về bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT120: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. - MT121: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. - MT122: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). - MT123: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong GD. - MT124: Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. <p>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</p> | <p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ý thức về bản thân - Sở thích, khả năng của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). <p>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</p> |

| | |
|---|---|
| <p>- MT125: Tự làm một số công việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, rục nhật, chơi...)</p> <p>- MT126: Cố gắng hoàn thành công việc được giao.</p> <p>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</p> <p>- MT127: Nhận biết các trạng thái cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.</p> <p>- MT128: Bộc lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ</p> <p>- MT129: Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.</p> <p>- MT130: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)</p> <p>- MT131: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</p> <p>- MT132: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội, một vài nét VH truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.</p> <p>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p> <p>- MT133: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà,</p> | <p>- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.</p> <p>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</p> <p>- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh</p> <p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</p> <p>- Mọi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.</p> <p>- Kính yêu Bác Hồ.</p> <p>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</p> <p>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p> <p>- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).</p> <p>- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</p> |
|---|---|

| | | |
|--|--|--|
| | <p>bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT134: Biết nói lời cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - MT135: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. - MT136: Biết chờ đến lượt. - MT137: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - MT138: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). <p>5. Quan tâm đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT139: Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. - MT140: Bỏ rác đúng nơi quy định. - MT141: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...) - MT142: Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. | <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Biết chờ đến lượt. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. <p>- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.</p> <p>5. Quan tâm đến môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. <p>- Tiết kiệm điện, nước.</p> |
| <p>5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ</p> | <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT143: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng các sản phẩm STEAM. | <p>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</p> <p>Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật, các sản phẩm STEAM.</p> <p>2. Một số kỹ năng trong hoạt</p> |

| | | |
|--|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - MT 144: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể chuyện. - MT145: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - MT146: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). - MT147: Thực hiện các hoạt động ÂN theo hướng tiếp cận đa văn hóa phù hợp với trẻ. - MT 148: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. - MT149: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - MT150: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. - MT151: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. | <p>động ÂN, hoạt động tạo hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. theo hướng tiếp cận đa văn hóa. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình. |
|--|--|--|

| | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - MT 152: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. - MT 153: Thích thú, ngắm nhìn, sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình dáng, bố cục...) tác phẩm tạo hình. - MT 154: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - MT 155: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. - MT 156: Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. <ul style="list-style-type: none"> - MT 157: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - MT 158: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình, sản phẩm STEAM - MT 159: Sáng tạo trong các hoạt động STEAM | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục, so với thiết kế ban đầu trong các dự án STEAM. <p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Sử dụng sự sáng tạo trong thiết kế, chế tạo sản phẩm STEAM. |
|---|--|

3. Các nội dung khác thực hiện theo Chương trình giáo dục nhà trường ngày 28/8/2025 của trường MN Cam Cạn.

Trên đây là công văn điều chỉnh nội dung trong kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025- 2026 của Trường mầm non Cam Cạn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các tổ CM; GV;
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hoàn

